

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 302/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2026

Về tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

Bà Nguyễn Thị Ánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày 06-8-1964; số căn cước công dân: 036164007249; nơi đăng ký thường trú: **Số C đường H, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **Số C đường H, phường N, tỉnh Ninh Bình**. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Đặng Huy B**, sinh ngày 04-10-1959; số chứng minh nhân dân: 162272513; nơi đăng ký thường trú: **Số C đường H, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2026/QĐST-VDS ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 15-4-2026, bản tự khai ngày 11-5-2026 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Đặng Huy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào khoảng tháng 11/1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Hà Nam Ninh (cũ) vào ngày 28-11-1986.

Sau khi kết hôn, bà và ông Đặng Huy B chung sống với nhau đến khoảng năm 1998 thì ông Đặng Huy B đi nước ngoài. Sau khi đi nước ngoài, thời gian đầu ông Đặng Huy B có thỉnh thoảng viết thư liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, ông Đặng Huy B giấu không cho bà và gia đình biết là hiện đang sinh sống ở đâu, làm gì. Ông Đặng Huy B thỉnh thoảng có về Việt Nam thăm gia đình, lần cuối cùng bà biết được ông Đặng Huy B về Việt Nam là vào năm 2019. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Đặng Huy B cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế khó khăn, ông Đặng Huy B không có trách nhiệm với gia đình. Sau khi đi nước ngoài, ông Đặng Huy B cũng hầu như không có trách nhiệm gì đối với việc xây dựng gia đình, chăm lo cho con cái.

Năm 2025 bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đặng Huy B là người mất tích. Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2026/QĐST-VDS ngày 04-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình đã tuyên bố ông Đặng Huy B mất tích. Hiện tại, bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu được ly hôn ông Đặng Huy B.

Về con chung: Bà và ông Đặng Huy B có 02 con chung là chị Đặng Kim L, sinh ngày 06-10-1987 và anh Đặng Huy Đ, sinh ngày 10-10-1994. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập và hiện đang sinh sống ở nước ngoài. Vì vậy bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu làm bản tự khai và giao nộp tài liệu chứng cứ, thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn là ông Đặng Huy B không đến Tòa án làm việc, không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

- Xử lý hôn giữa bà **Nguyễn Thị Kim T** và ông **Đặng Huy B**.
- Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị Kim T**.
- Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Kim T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông **Đặng Huy B**, không yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là ông **Đặng Huy B** không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2026/QĐST-VDS ngày 04-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình về tuyên bố mất tích, nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là ông **Đặng Huy B** được xác định là: **Số C đường H, phường N, tỉnh Ninh Bình**; vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Kim T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông **Đặng Huy B** vắng mặt lần thứ hai không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Huy B có thời gian tìm hiểu nhau trước, sau đó đã tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào khoảng tháng 11/1986. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (cũ) vào ngày 28-11-1986. Như vậy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Huy B là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Huy B chung sống với nhau đến năm 1998 thì ông Đặng Huy B đi nước ngoài. Kể từ năm 2019 thì bà Nguyễn Thị Kim T đã không có tin tức, không còn liên hệ được với ông Đặng Huy B nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đặng Huy B là người mất tích. Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2026/QĐST-VDS ngày 04-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình đã tuyên bố ông Đặng Huy B mất tích. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Huy B.

2.2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Huy B có 02 con chung là chị Đặng Kim L, sinh ngày 06-10-1987 và anh Đặng Huy Đ, sinh ngày 10-10-1994. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét, giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn trong vụ án, nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Huy B.

2. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim T được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Huy B có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình;
- (ĐKKH số 130197 ngày 28-11-1986 tại UBND phường Ngô Quyền);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

Nguyễn Minh Tuấn